

CHÍNH PHỦ
Số: 124/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý vật liệu xây dựng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 20 tháng 03 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật đầu tư số ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng bao gồm: quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng; khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ khai thác, chế biến khoáng sản kim loại và sản xuất vật liệu xây dựng không có nguồn gốc từ khoáng sản).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Vật liệu xây dựng là sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ, vô cơ, kim loại được sử dụng để tạo nên công trình xây dựng, trừ các trang thiết bị điện.
2. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng bao gồm: khoáng sản để sản xuất vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng.
3. Sứ vệ sinh là sản phẩm có nguồn gốc từ gốm sứ dùng để lắp đặt trong các công trình vệ sinh, phòng thí nghiệm và các phòng chuyên dụng khác.
4. Vật liệu ốp lát là vật liệu xây dựng được sử dụng để ốp, lát các công trình xây dựng.

Điều 4. Chính sách của nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng

1. Nhà nước đầu tư, có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đồng bộ và phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trong từng thời kỳ.
2. Các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng được ưu đãi đầu tư hoặc đặc biệt ưu đãi đầu tư và những dự án đầu tư thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn ưu đãi đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 5. Yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng

Công nghệ, thiết bị để sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tái chế các chất thải để làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia phải bảo đảm hiện đại, tiên tiến, có mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng thấp, mức độ ô nhiễm môi trường đạt tiêu chuẩn của khu vực hoặc thế giới.

Điều 6. Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm vật liệu xây dựng

1. Đối với vật liệu phải theo quy chuẩn kỹ thuật thì chất lượng phải tuân theo quy chuẩn đó.
2. Các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 7. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 8. Các hành vi bị cấm

1. Sản xuất, kinh doanh hàng giả; giả mạo nhãn mác, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy của vật liệu xây dựng.
2. Nhập khẩu, kinh doanh các vật liệu xây dựng nhập khẩu không có tiêu chuẩn chất lượng và xuất xứ không rõ ràng.
3. Cung cấp thông tin sai sự thật về chất lượng, xuất xứ sản phẩm vật liệu xây dựng.
4. Các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không có Giấy phép khai thác.
5. Khai thác đất nông nghiệp, cát sông làm vật liệu xây dựng không theo quy hoạch.
6. Sản xuất, kinh doanh, sử dụng sợi amiăng nhóm amfibole để sản xuất vật liệu xây dựng.
7. Đầu tư các công trình xây dựng kiên cố không nhằm mục đích khai thác mỏ, trên diện tích khu mỏ đã được quy hoạch thăm dò, khai thác làm vật liệu xây dựng, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép.
8. Lợi dụng hoạt động quản lý để cản trở bất hợp pháp hoạt động của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Chương II

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Mục 1

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 9. Phân loại quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng

Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng gồm các loại sau:

1. Quy hoạch chung phát triển vật liệu xây dựng bao gồm:
 - a) Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam;

b) Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng là quy hoạch chỉ áp dụng cho những vùng đặc thù có tiềm năng lớn để phát triển vật liệu xây dựng, được phân bố ở những khu vực giáp ranh của các tỉnh liền kề, cần có sự phối hợp chung thống nhất;

c) Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng địa phương).

2. Quy hoạch phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu bao gồm:

- a) Quy hoạch phát triển xi măng;
- b) Quy hoạch phát triển kính xây dựng;
- c) Quy hoạch phát triển vật liệu ốp lát;
- d) Quy hoạch phát triển sứ vệ sinh.

Điều 10. Phân kỳ, thời gian của quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng

Quy hoạch chung phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu được lập cho thời kỳ là 10 năm, định hướng phát triển cho 05 đến 10 năm tiếp theo và thể hiện cho từng thời kỳ 05 năm.

Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng

1. Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Định kỳ xem xét, điều chỉnh 05 năm một lần đối với quy hoạch chung phát triển vật liệu xây dựng; 03 năm một lần đối với quy hoạch phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu;
- b) Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực hiện các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng hàng năm.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng phải bảo đảm tính kế thừa, chỉ điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp với tình hình thực tế và bổ sung nội dung cho phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

3. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng.

Điều 12. Kinh phí cho công tác quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng

1. Chi phí cho công tác quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng bao gồm chi phí cho lập quy hoạch mới, điều chỉnh, bổ sung và công tác quản lý quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Kinh phí cho công tác quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng do ngân sách nhà nước bảo đảm.
3. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập và ban hành định mức, đơn giá lập, thẩm định quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng.

Điều 13. Quản lý quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trong cả nước.
2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ về công tác quản lý quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng và quy hoạch phát triển một số sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu.
3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về công tác quản lý quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng địa phương trên địa bàn.
4. Các Bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng trong công tác quản lý quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng.
5. Trong vòng 30 ngày, kể từ khi quy hoạch được phê duyệt cơ quan tổ chức lập quy hoạch phải tổ chức công bố quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức hội nghị giới thiệu quy hoạch để công dân, doanh nghiệp và các nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận, nghiên cứu, đầu tư, khai thác.
6. Định kỳ hàng năm và đột xuất Bộ Xây dựng có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện các quy hoạch được phân công quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch cho Bộ Xây dựng để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch phải được xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

Mục 2

QUY HOẠCH CHUNG PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 14. Căn cứ lập quy hoạch chung